

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/7/2017.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Công Minh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Huy Tùng**

2. Bà **Thạch Thị Sà Phải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Qual** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLST-DS ngày 19/5/2017, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 125/29k, đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh D**, sinh năm: 1984, địa chỉ: Số nhà 380, ấp Pr, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do ông Nguyễn Thanh Ph lập ngày 10/4/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph trình bày như sau:

Nguyên vào năm 2007 ông và bà Trần Thị Thanh D kết hôn với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà D kinh doanh thất bại nên hai vợ chồng thường hay cãi nhau nên bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột bà D sống tại ấp Pr, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và vợ chồng ông bắt đầu ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Trong thời

gian chung sống với nhau ông và bà Trần Thị Thanh D có một người con chung tên Nguyễn Trần Thanh Th, sinh ngày 12/12/2007, hiện nay cháu Thanh Th đang chung sống với ông. Về tài sản chung: Ông sẽ thỏa thuận với bà D, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thanh D; Về con chung: Ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thanh Th, sinh ngày 12/12/2007 đến khi cháu Th tròn 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D nhưng bà D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Ph và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị Thanh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thanh Ph:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Trần Thị Thanh D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ph và bà D là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 6 năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Ph làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng ông Ph bà D đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía bà D

vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Ph, bà D đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông Nguyễn Thanh Ph xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Trần Thị Thanh D có một người con chung là Nguyễn Trần Thanh Th, sinh ngày 12/12/2007, hiện nay đang sống chung với ông Ph. Ông Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét yêu cầu của ông Ph là phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của ông Ph cũng như nguyện vọng của cháu Th và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trần Thanh Th cho ông Nguyễn Thanh Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh Ph xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Th nên không yêu cầu bà D cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà D cấp dưỡng cho cháu Th.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Thanh Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Trần Thị Thanh D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh Ph và bà Trần Thị Thanh D được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cho ông Nguyễn Thanh Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Thanh Ph và bà Trần Thị Thanh D là cháu Nguyễn Trần Thanh Th, sinh ngày 12/12/2007 đến khi thành niên (hiện nay cháu Th sống chung với ông Ph).

- Bà Trần Thị Thanh D không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Trần Thanh Th.

- Bà Trần Thị Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Trần Thanh Th mà không ai được cản trở. Bà Trần Thị Thanh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Thanh Th của ông Nguyễn Thanh Ph.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003691, ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Trần Thị Thanh D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Trần Thị Thanh D.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện T;
- UBND TT M;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Công Minh